

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PARADI
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PARADI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PARADI GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: PARADI GROUP

2. Mã số doanh nghiệp: 0110289923

3. Ngày thành lập: 17/03/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 50 Đường Hồng Đô, Phường Phú Đô, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0908251102

Fax:

Email: contact@paradi.group

Website: www.paradi.group

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý đổi ngoại tệ	4610
2.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh	4649
3.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Loại trừ kinh doanh vàng miếng và vàng nguyên liệu)	4662
4.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
5.	Trồng cây hàng năm khác Chi tiết: Trồng cây dược liệu, hương liệu hàng năm	0119
6.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
7.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
8.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: Dịch vụ tổ chức sự kiện, tổ chức hội nghị, hội thảo	8230
9.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa	8299
10.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Giáo dục dạy nghề, đào tạo chuyên môn; Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại (Loại trừ hoạt động dạy về tôn giáo và hoạt động các trường của các tổ chức Đảng và đoàn thể)	8559
11.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: Tư vấn du học	8560
12.	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa	8620

13.	Hoạt động của hệ thống cơ sở chính hình, phục hồi chức năng	8692
14.	Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu	8699
15.	Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng Chi tiết: Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng các đối tượng khác (Không bao gồm đối tượng là người có công)	8710
16.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí Chi tiết: Hoạt động tổ chức biểu diễn nghệ thuật, ca múa nhạc, trình chiếu hiệu ứng ánh sáng	9000
17.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
18.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Các hoạt động vui chơi và giải trí khác (trừ các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề); - Hoạt động của các khu giải trí, bãi biển, bao gồm cho thuê các phương tiện như nhà tắm, tủ có khoá, ghế tựa, dù che.v.v...; - Hoạt động của các cơ sở vận tải giải trí, ví dụ như đi du thuyền; - Cho thuê các thiết bị thư giãn như là một phần của các phương tiện giải trí; - Hoạt động hội chợ và trưng bày các đồ giải trí mang tính chất giải trí tự nhiên;	9329
19.	Hoạt động của các hiệp hội kinh doanh và nghiệp chủ	9411
20.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao) Chi tiết: - Dịch vụ tắm hơi, massage, tắm nắng, thẩm mỹ không dùng phẫu thuật	9610
21.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
22.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
23.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
24.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, tín dụng, chứng khoán)	6619(Chính)
25.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
26.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Môi giới bất động sản Tư vấn và Quản lý bất động sản Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản	6820

27.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tư vấn đầu thầu; Lập dự án đầu tư xây dựng; Dự toán xây dựng; Quản lý dự án đầu tư xây dựng; Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình	7110
28.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
29.	Quảng cáo	7310
30.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
31.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn chuyển giao công nghệ Dịch vụ tư vấn, xúc tiến chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực điện tử, tin học, viễn thông	7490
32.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
33.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
34.	Sản xuất cà phê Chi tiết: Rang và lọc cà phê; Sản xuất các sản phẩm cà phê như: Cà phê hoà tan, cà phê pha phin, chiết xuất cà phê và cà phê cô đặc;	1077
35.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
36.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
37.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng	4932
38.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
39.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
40.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
41.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Gửi hàng; - Giao nhận hàng hóa; - Thu, phát các chứng từ vận tải hoặc vận đơn; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; - Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay; - Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển;	5229
42.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
43.	Cơ sở lưu trú khác	5590
44.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
45.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài	7830

46.	Đại lý du lịch Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế	7911
47.	Điều hành tua du lịch	7912
48.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
49.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
50.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
51.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
52.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, dược phẩm, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh; Bán thuốc đông y, bán thuốc nam trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
53.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ các hoạt động bán lẻ tem, súng đạn, tiền kim khí; kinh doanh vàng miếng)	4773

6. Vốn điều lệ: 100.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 10.000.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN DUY DƯƠNG	Thôn Pha Mác, Xã An Hà, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.000.0 00	10.000.000.000	10,000	0240840107 70	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	1.000.0 00	10.000.000.000	10,000		
2	CAO BÁ CẢNH	S3030603 Vinhomes Smart City, Phường Tây Mỗ, Quận Nam Tư Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	5.000.0 00	50.000.000.000	50,000	0400790003 61	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	5.000.0 00	50.000.000.000	50,000		

3	VŨ HỒNG PHONG	P107 C/Thang 3 CC Nhạc Viện Hà Nội, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.000.000	10.000.000.000	10,000	008080000158	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	1.000.000	10.000.000.000	10,000		
4	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	Số 4, ngách 47 Thịnh Hào 2, Phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	2.000.000	20.000.000.000	20,000	001181029299	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	2.000.000	20.000.000.000	20,000		
5	ĐẶNG VĂN DŨNG	Khu 7, Phường Phong Hải, Thị xã Quảng Yên, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.000.000	10.000.000.000	10,000	022082000182	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	1.000.000	10.000.000.000	10,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Chủ tịch hội đồng quản trị*

Sinh ngày: 12/01/1979 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 040079000361

Ngày cấp: 22/11/2021 Nơi cấp: Cục QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: S3030603 Vinhomes smart city, Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: S3030603 Vinhomes smart city, Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội